

**ỦY BAN NHÂN DÂN
ĐẶC KHU BẠCH LONG VĨ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 317/UBND-TTPVHCC

Bạch Long Vĩ, ngày 18 tháng 9 năm 2025

V/v công khai Danh mục thủ tục hành
chính được cắt giảm thời gian giải quyết
trên địa bàn đặc khu Bạch Long Vĩ

Kính gửi:

- Thủ trưởng các phòng, ban, cơ quan, đơn vị đặc khu;
- Trưởng các Thôn trên địa bàn đặc khu;
- Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn đặc khu

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3606/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công đặc khu.

Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ công khai Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết với các nội dung:

1. Công khai Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết trên địa bàn đặc khu Bạch Long Vĩ (***Phụ lục Danh mục thủ tục hành chính kèm theo***).

2. Các phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công và các đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

3. Danh mục thủ tục hành chính cắt giảm thời gian giải quyết kèm theo Văn bản này được niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Cổng thông tin điện tử đặc khu Bạch Long Vĩ (Địa chỉ truy cập: <https://bachlongvy.haiphong.gov.vn>) theo quy định.

Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ công khai đề các tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND đặc khu;
- Cổng TTĐT (*đăng tin*);
- Lưu: VT, TTPVHCC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hậu

Phụ lục 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT
LĨNH VỰC XÂY DỰNG (41TT)

(Kèm theo Công văn số 317/UBND-TTPVHCC ngày 18/9/2025 của UBND đặc khu Bạch Long Vĩ)

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	
			Theo quy định	Sau cắt giảm
I	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY			
1	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
2	1.004047	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
3	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
4	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
5	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
6	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc

7	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính Cấp thành phố khác	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
8	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
9	2.001659	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
10	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
11	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
12	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
13	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
14	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
15	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
16	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
17	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc

18	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
19	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
20	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
21	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
22	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
23	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
24	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Không quá 02 (hai) giờ làm việc kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ	Không quá 02 (hai) giờ làm việc kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ
25	1.002372	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	03 giờ	03 giờ
II LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ				
26	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	01 ngày đối với đám tang, không quá 05 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận hồ sơ	01 ngày đối với đám tang, không quá 05 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận hồ sơ

27	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc
28	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc
29	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc
III LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG				
30	1.013225	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ.	10 ngày đối với công trình và 7,5 ngày đối với nhà ở riêng lẻ.
31	1.013229	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ	10 ngày đối với công trình và 7,5 ngày đối với nhà ở riêng lẻ.

32	1.013232	Thủ tục cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.	10 ngày đối với công trình và 05 ngày đối với nhà ở riêng lẻ.
33	1.013226	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.	10 ngày đối với công trình và 05 ngày đối với nhà ở riêng lẻ.
34	1.013227	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc

35	1.013228	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
36	1,013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	- Không quá 40 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, I; - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại.	- Không quá 20 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, I; - Không quá 15 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 10 ngày đối với công trình còn lại.
37	1,013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	- Dự án nhóm A không quá 35 ngày, - Dự án nhóm B không quá 25 ngày, - Dự án nhóm C không quá 15 ngày.	- Dự án nhóm A không quá 17,5 ngày, - Dự án nhóm B không quá 12,5 ngày, - Dự án nhóm C không quá 75 ngày.
IV	LĨNH VỰC NHÀ Ở			
38	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	07 ngày	3,5 ngày
V	LĨNH VỰC QUY HOẠCH KIẾN TRÚC			
39	1.008455	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	15 ngày	7,5 ngày

40	1.002662	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	20 ngày	10 ngày
41	1.003141	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	20 ngày	10 ngày

Phụ lục 2
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT
LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (44TT)
(Kèm theo Công văn số 317/UBND-TTPVHCC ngày 18/9/2025 của UBND đặc khu Bạch Long Vĩ)

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	
			Theo quy định	Sau cắt giảm
I	LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC (06 TTHC)			
1	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	10 ngày	05 ngày
2	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc
3	1.012972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lạ	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc
4	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
5	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	10 ngày	05 ngày
6	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên thực hiệc các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	10 ngày làm việc và 20 ngày	05 ngày làm việc và 10 ngày
II	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN (08 TTHC)			
7	2.002770	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc
8	2.002771	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc

9	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
10	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
11	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	24 ngày làm việc	12 ngày làm việc
12	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	24 ngày làm việc	12 ngày làm việc
13	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	10 ngày làm việc và 40 ngày làm việc	05 ngày làm việc và 20 ngày làm việc
14	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	17 ngày làm việc	13.5 ngày làm việc
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC (11 TTHC)			
15	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở	Không quy định	Không quy định
16	2.002481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	Không quy định	Không quy định
17	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	25 ngày làm việc	12.5 ngày làm việc
18	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	25 ngày làm việc	12.5 ngày làm việc

19	1.012966	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	7 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc
20	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	25 ngày làm việc	12.5 ngày làm việc
21	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
22	2.002482	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Không quy định	Không quy định
23	1.002483	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Không quy định	Không quy định
24	2.001904	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Do sở Giáo dục và đào tạo quy định	Do sở Giáo dục và đào tạo quy định
25	1.005108	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Không quy định	Không quy định
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (02 TTHC)			
26	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	30 ngày và 03 ngày làm việc	15 ngày và 1,5 ngày làm việc
27	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	30 ngày và 03 ngày làm việc	15 ngày và 1,5 ngày làm việc

V	LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON (05 TTHC)			
28	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
29	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
30	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	07 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc
31	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
32	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	10 ngày	05 ngày
VI	LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC (06 TTHC)			
33	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
34	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
35	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	07 ngày làm việc	3.5 ngày làm việc
36	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc
37	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
38	1.005099	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc

VII	LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN (04 TTHC)			
39	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc
40	1.012970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc
41	3.000307	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
42	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
VIII	LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ (02 TTHC)			
43	3.000467	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc
44	3.000468	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	02 ngày làm việc	02 ngày làm việc

Phụ lục 3
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (55TT)

(Kèm theo Công văn số 317/UBND-TTPVHCC ngày 18/9/2025 của UBND đặc khu Bạch Long Vĩ)

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	
			Theo quy định	Sau cắt giảm
I	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN			
1	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết	18 ngày làm việc	09 ngày làm việc
II	LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO			
2	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày	7,5 ngày
3	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày	7,5 ngày
4	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	15 ngày	7,5 ngày
5	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	15 ngày	7,5 ngày
6	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Việc rà soát hộ nghèo, cận nghèo định kỳ hằng năm được quy định từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm.	Việc rà soát hộ nghèo, cận nghèo định kỳ hằng năm được quy định từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm.

III	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG			
7	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	15 ngày	7,5 ngày
IV	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP			
8	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	60 ngày	30 ngày
V	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI			
9	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
10	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	13 ngày làm việc	6,5 ngày làm việc
VI	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP			
11	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	5 ngày	2,5 ngày
12	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày	9,5 ngày

13	1.011471	Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	- Trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác: 7 ngày làm việc; - Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác: 10 ngày làm việc.	- Trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác: 3,5 ngày làm việc; - Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác: 05 ngày làm việc.
14	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	25 ngày	7,5 ngày
15	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	09 ngày	4,5 ngày
16	3.000502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư	24 ngày làm việc	13 ngày làm việc

VII				
LĨNH VỰC KIỂM LÂM				
17	1.012695	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	20 ngày	9,5 ngày
18	1.012694	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	12 ngày	5,5 ngày
VIII				
LĨNH VỰC THỦY LỢI				
19	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc
20	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
21	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
22	1.013768	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
23	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc
24	2.001627	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc

25	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
IX	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC			
26	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	08 ngày làm việc	04 ngày làm việc
X	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT			
27	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
XI	LĨNH VỰC THỦY SẢN			
28	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	63 ngày	31,5 ngày
29	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	70 ngày - Đối với thay đổi tên tổ chức cộng đồng: 07 ngày làm việc - Đối với sửa đổi, bổ sung vị trí ranh giới: 63 ngày làm việc	35 ngày - Đối với thay đổi tên tổ chức cộng đồng: 3,5 ngày làm việc; - Đối với sửa đổi, bổ sung vị trí ranh giới: 31,5 ngày làm việc.
30	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	06 ngày làm việc	06 ngày làm việc

XII				
LĨNH VỰC CHĂN NUÔI				
31	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc
32	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	22 ngày làm việc	11 ngày làm việc
XIII				
LĨNH VỰC THÚ Y				
33	1.013997	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc
XIV				
LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI				
34	1.012812	Hoà giải tranh chấp đất đai	- 30 ngày - 40 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 15 ngày - 20 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

35	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	- 20 ngày làm việc - 30 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 10 ngày làm việc - 15 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn
36	1.012818	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	- 25 ngày làm việc - 35 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 12,5 ngày làm việc - 20 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

37	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	- 08 ngày làm việc - 18 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 04 ngày làm việc - 14 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn
38	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	- 17 ngày làm việc - 27 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 10 ngày làm việc - 20 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

39	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	- 15 ngày - 25 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 7,5 ngày - 17,5 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn
----	----------	---	---	--

40	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	-Trường hợp đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện không quá 15 ngày) - Trường hợp đề nghị điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;	-Trường hợp đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện - kể cả thời gian gia hạn được cộng thêm 10 ngày làm việc) - Trường hợp đề nghị điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư: không quá 7,5 ngày kể từ ngày
----	----------	--	--	--

			vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện không quá 25 ngày)	nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện không quá 17,5 ngày)
42	1.013953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	- 07 ngày - 17 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 3,5 ngày - 8,5 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

43	1.013962	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	- 35 ngày - 45 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 17,5 ngày - 22,5 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn
44	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	- 17 ngày - 27 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 8,5 ngày - 18,5 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

45	1.013979	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	- 10 ngày - 20 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 05 ngày - 10 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn
----	----------	---	---	---

46	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	- Thời gian thực hiện thủ tục phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp không quá 15 ngày (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện không quá 25 ngày.) - Thời gian gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp là không quá 07 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện không quá 17 ngày	- Thời gian thực hiện thủ tục phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp không quá 7,5 ngày (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện không quá 17,5 ngày.) - Thời gian gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp là không quá 3,5 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội
----	----------	--	--	--

			làm việc)	đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện không quá 8,5 ngày làm việc)
47	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	- 45 ngày - 60 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 22,5 ngày - 32,5 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn
XV	LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC			
48	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (cấp xã)	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc
XVI	LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO			
49	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	29 ngày làm việc	14,5 ngày làm việc
50	3.000440	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	24 ngày làm việc	12 ngày làm việc
51	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	39 ngày làm việc	19,5 ngày làm việc

52	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	24 ngày làm việc	12 ngày làm việc
53	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	14 ngày làm việc	07 ngày làm việc
XVII	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI			
54	1.012994	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc
55	1.012995	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Cùng với thời hạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định về cấp giấy chứng nhận	Cùng với thời hạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định về cấp giấy chứng nhận

Phụ lục 4
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT
LĨNH VỰC Y TẾ (20TT)

(Kèm theo Công văn số 317/UBND-TTPVHCC ngày 18/9/2025 của UBND đặc khu Bạch Long Vĩ)

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	
			Theo quy định	Sau cắt giảm
I	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI			
1	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	15 ngày	7,5 ngày
2	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Cơ sở TGXH tiếp nhận ngay đối tượng và hoàn thiện hồ sơ trong 10 ngày	Cơ sở TGXH tiếp nhận ngay đối tượng và hoàn thiện hồ sơ trong 05 ngày
3	2.000477	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	07 ngày	3,5 ngày
4	1.013821	Thực hiện, điều chỉnh, tạm thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt dừng, hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
5	1.013822	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
6	1.001776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng;	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc

7	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc
8	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	35 ngày làm việc	17,5 ngày làm việc
9	1.001653	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
10	2.000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
11	1.014027	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
12	1.014028	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc
II	LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN			
13	2.001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	09 ngày	4,5 ngày
III	LĨNH VỰC TRẺ EM			
14	1.004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trong 12 giờ làm việc	Trong 12 giờ làm việc
15	1.004944	Thủ tục chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
16	2.001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc
17	1.004941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc

18	2.001944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc
19	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc
IV	LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ - TRẺ EM			
20	2.001088	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc

Phụ lục 5
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT
LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG (16TT)

(Kèm theo Công văn số 317/UBND-TTPVHCC ngày 18/9/2025 của UBND đặc khu Bạch Long Vĩ)

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	
			Theo quy định	Sau cắt giảm
I	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC			
1	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc
2	2.001240	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc
3	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc
4	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc
5	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc
6	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc
7	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc

8	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 10 ngày làm việc - Trường hợp cấp lại Giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 7 ngày làm việc	- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 5 ngày làm việc - Trường hợp cấp lại Giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 3,5 ngày làm việc
9	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc
II	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ			
10	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc
11	2.001270	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai chính	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc
12	2.001261	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc
III	LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ			

13	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương xem xét, quyết định giao tài sản	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương xem xét, quyết định giao tài sản
14	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thực hiện việc thu hồi. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp	- Trong thời hạn 22,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thực hiện việc thu hồi. - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp

IV	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG			
15	2.002096	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	Theo Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng kỳ bình chọn (QĐ công bố 30 ngày)	Theo Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng kỳ bình chọn: 15 ngày
V	LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG			
16	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Không quy định	Không quy định

Phụ lục 6
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT
LĨNH VỰC TÀI CHÍNH (38TT)

(Kèm theo Công văn số 317/UBND-TTPVHCC ngày 18/9/2025 của UBND đặc khu Bạch Long Vĩ)

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	
			Theo quy định	Sau cắt giảm
I	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC			
1	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
2	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
3	2.002641	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc
4	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
5	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	- Trường hợp cấp đổi: 03 ngày làm việc - Trường hợp cấp lại do mất, cháy, rách nát, bị tiêu hủy: 01 ngày làm việc	- Trường hợp cấp đổi: 1,5 ngày làm việc - Trường hợp cấp lại do mất, cháy, rách nát, bị tiêu hủy: 01 ngày làm việc

6	1.014034	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	- Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin: 01 ngày làm việc. - Bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh: 03 ngày làm việc	- Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin: 01 ngày làm việc. - Bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh: 1,5 ngày làm việc
7	1.014035	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
II	LĨNH VỰC LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG, HỖ TRỢ CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ			
8	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
9	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo.	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
10	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
11	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc

12	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
13	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
14	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
15	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
16	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
17	2.002644	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
18	2.002645	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
19	2.002646	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
20	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
21	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
22	2.002650	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
23	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc

24	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
25	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
26	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
27	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
28	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
29	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
30	1.005377	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
31	2.001976	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
32	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc

33	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
34	2.002227	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ
35	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ
36	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc
III	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN			
37	3.000410	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	- 22 ngày đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của Chủ tịch UBND cấp xã. - 29 ngày đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của Chủ tịch UBND thành phố.	- 11 ngày đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của Chủ tịch UBND cấp xã. - 14,5 ngày đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của Chủ tịch UBND thành phố.
38	3.000325	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản KCHT thủy lợi (đối với tài sản KCHT thủy lợi do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc UBND TP quản lý)	30 ngày	15 ngày

Phụ lục 7
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT
LĨNH VỰC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (9TT)
(Kèm theo Công văn số 317/UBND-TTPVHCC ngày 18/9/2025 của UBND đặc khu Bạch Long Vĩ)

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	
			Theo quy định	Sau cắt giảm
I	LĨNH VỰC VĂN HOÁ (02 thủ tục)			
1	1.013791	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc
2	1.003622	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	15 ngày	05 ngày
II	LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ (04 thủ tục)			
3	1.013792	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc
4	1.013793	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
5	1.013794	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
6	1.013795	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
III	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH (02 thủ tục)			

7	1.012084	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị	12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị
8	1.012085	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc	12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị	12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị
IV	LĨNH VỰC THẺ DỤC THỂ THAO (01 thủ tục)			
9	2.000794	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc

Phụ lục 8**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT
LĨNH VỰC TƯ PHÁP (59TT)***(Kèm theo Công văn số 317/UBND-TTPVHCC ngày 18/9/2025 của UBND đặc khu Bạch Long Vĩ)*

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	
			Theo quy định	Sau cắt giảm
I	LĨNH VỰC HỘ TỊCH (35 TTHC)			
1	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo
2	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 2,5 ngày làm việc.

3	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.	1,5 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 04 ngày làm việc.
4	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc.	1.5 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 4 ngày làm việc.
5	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
6	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Ngay trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Giữ nguyên do TTHC giải quyết ngay trong ngày
7	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
8	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
9	1.004837	Đăng ký giám hộ	3 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc
10	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	2 ngày làm việc	1 ngày làm việc
11	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	3 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 05 ngày làm việc)	1.5 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 2.5 ngày làm việc)

12	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	03 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 05 ngày)	1.5 ngày làm việc (trường hợp phải xác minh thì kéo dài không quá 2.5 ngày)
13	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo - 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; xác định lại dân tộc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo - 1.5 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; xác định lại dân tộc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.
14	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	3 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày nếu không có kết quả xác minh	1.5 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày
15	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.

16	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. 2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.
17	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.
18	1.005461	Thủ tục đăng ký lại khai tử	5 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	2.5 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 5 ngày làm việc.
19	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo
20	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày)	2.5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 5 ngày)

21	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày, hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc	Ngay trong ngày, hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc
22	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc
23	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	10 ngày	5 ngày
24	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	2.5 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 1.5 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên
25	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	2 ngày làm việc	1 ngày làm việc

26	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	- Trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 3 ngày đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. kéo dài không quá 6 ngày làm việc.	- Trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, nhận hồ sơ sau 15 giờ thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 1,5 ngày đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. kéo dài không quá 3 ngày làm việc.
27	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 8 ngày làm việc)	2.5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 4 ngày làm việc)
28	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 8 ngày làm việc)	2.5 ngày làm việc (nếu cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 4 ngày làm việc)
29	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 1,5 ngày làm việc

30	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày
31	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày
32	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	2.5 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12.5 ngày.
33	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày	2.5 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 5 ngày
34	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày làm việc . (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc)	1.5 ngày làm việc. (Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 5 ngày làm việc)

35	2.000635	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.
II	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (13 TTHC)			
36	2.001035	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc
37	2.001019	Thủ tục chứng thực di chúc	02 Ngày làm việc	01 Ngày làm việc
38	2.001016	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	02 Ngày làm việc	01 Ngày làm việc
39	2.001406	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02 Ngày làm việc	01 Ngày làm việc
40	2.001009	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02 Ngày làm việc	01 Ngày làm việc
41	2.001008	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ
42	2.000992	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ

43	2.000913	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ
44	2.000927	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ
45	2.000942	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ
46	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ

47	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc
48	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ
III	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (5 TTHC)			

49	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày (15 ngày giải quyết TTHC + 15 ngày xin ý kiến các cơ quan liên quan)	22,5 ngày ((7,5 ngày giải quyết TTHC + 15 ngày xin ý kiến các cơ quan liên quan)
50	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
51	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	45 ngày	20 ngày
52	2.002363	Ghi vào sổ đăng ký nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp phải xác minh thì hạn giải quyết không quá 3 ngày làm việc	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp phải xác minh thì hạn giải quyết không quá 1,5 ngày làm việc
53	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	10 ngày	10 ngày
IV	LĨNH VỰC HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ (05 TTHC)			
54	2.000424	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc
55	1.002211	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc

56	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
57	2.000630	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
58	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
V	LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (01 TTHC)			
59	2.002165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	77-87 ngày	38.5-43.5 ngày

Phụ lục 9
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT
LĨNH VỰC NỘI VỤ (31TT)

(Kèm theo Công văn số 317/UBND-TTPVHCC ngày 18/9/2025 của UBND đặc khu Bạch Long Vĩ)

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	
			Theo quy định	Sau cắt giảm
1	1.013725	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc
2	1.011547	vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc
3	1.013734	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
4	1.010832	Thủ tục thăm viếng mộ liệt sĩ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
5	1.010833	Thủ tục cấp giấy xác nhận thân nhân người có công	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc
6	1.012939	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc
7	1.012940	Thủ tục thành lập hội	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc
8	1.012949	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	- 45 ngày làm việc (đối với đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường); - 15 ngày làm việc (đối với đại hội thành lập)	- 22,5 ngày làm việc (đối với đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường); - 7,5 ngày làm việc (đối với đại hội thành lập)

9	1.012941	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc
10	1.012950	Thủ tục chia, tách; sát nhập; hợp nhất hội	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc
11	1.012951	Thủ tục hội tự giải thể	45 ngày làm việc	22,5 ngày làm việc
12	1.012952	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc
13	1.005201	Thủ tục hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc
14	1.013024	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc
15	1.013025	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc
16	1.013026	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc
17	1.013027	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc
18	1.013208	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc
19	1.013029	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc
20	1.013030	Thủ tục quỹ tự giải thể	60 ngày làm việc	30 ngày làm việc

21	1.012582	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	20 ngày	10 ngày
22	1.012584	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	20 ngày	10 ngày
23	1.012585	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	15 ngày	10 ngày
24	1.012590	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	20 ngày	15 ngày
25	1.012592	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	15 ngày	05 ngày
26	1.012591	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	15 ngày	05 ngày
27	1.013796	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	25 ngày	15 ngày
28	1.013797	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	25 ngày	20 ngày
29	1.013798	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	25 ngày	20 ngày
30	1.012222	Công nhận người có uy tín	20 ngày làm việc	8 ngày làm việc
31	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	20 ngày làm việc	8 ngày làm việc